

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

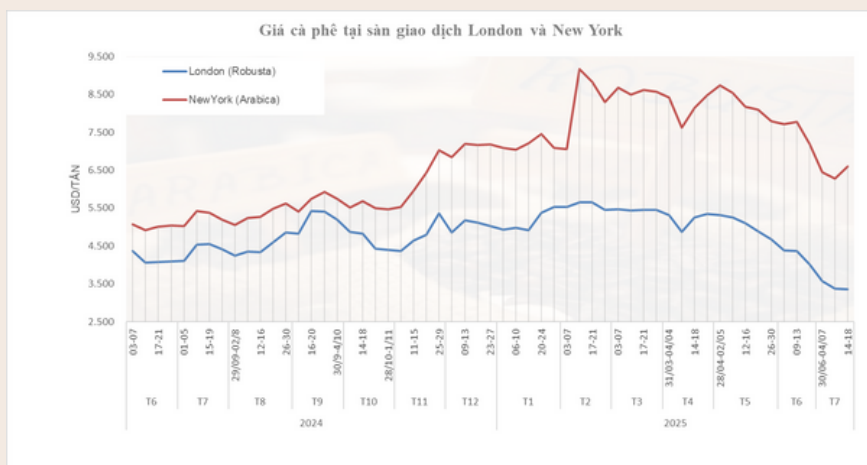
www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê trong tuần qua tăng giảm trái chiều tại hai sàn giao dịch London và New York. Giá cà phê Arabica tăng do Tổng thống Hoa Kỳ tuyên bố sẽ áp thuế 50% đối với hàng nhập khẩu từ Brazil gây lo ngại về nguồn cung cà phê từ Brazil.
- Khối lượng cà phê xuất khẩu của Colombia trong 9 tháng đầu tiên của niên vụ 2024/2025 đạt 9,916 triệu bao, tăng 12,56% so với cùng kỳ năm trước.
- Tiêu thụ cà phê toàn cầu đã tăng đều đặn trong suốt thập kỷ qua, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) vào khoảng 2,20%.



THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 14/07/2025 đến 18/07/2025, giá cà phê thế giới tăng giảm trái chiều tại hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 9/2025 tại thị trường London đạt 3.361 USD/tấn, giảm 0,1% so với tuần trước và giảm 26,1% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.519 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.216 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2025 bình quân đạt 6.385 USD/tấn, tăng 5% so với mức giá tuần trước, và tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 6.733 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 6.316 USD/tấn.[1]

Giá cà phê Arabica tăng do Tổng thống Trump tuyên bố sẽ áp thuế 50% đối với hàng nhập khẩu từ Brazil vào Hoa Kỳ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2025. Mối đe dọa này gây ra lo ngại nguồn cung cà phê từ Brazil, quốc gia sản xuất cà phê Arabica lớn nhất thế giới, có thể bị gián đoạn. [2]

BRAZIL

Theo dữ liệu được công bố bởi Safras & Mercado vào thứ Sáu, ngày 11 tháng 7 năm 2025, tiến độ thu hoạch cà phê niên vụ 2025/26 tại Brazil đã đạt 69% tính đến ngày 9 tháng 7, cao hơn nhẹ so với 66% cùng kỳ năm trước.[2]

Theo báo cáo này khoảng 88% sản lượng cà phê Robusta và 58% sản lượng cà phê Arabica đã được thu hoạch tính đến thời điểm nói trên. Những số liệu này cho thấy tốc độ thu hoạch đang diễn ra nhanh hơn so với trung bình lịch sử, đặc biệt là tại các vùng chuyên canh cà phê Robusta.[2]

COLOMBIA

Theo báo cáo từ Liên đoàn những người trồng cà phê quốc gia Colombia, tổng lượng cà phê xuất khẩu của Colombia trong 9 tháng đầu tiên của niên vụ hiện tại (từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2025) đã đạt 9,916 triệu bao, tăng 12,56% so với cùng kỳ năm trước. Sự tăng trưởng này một phần đến từ việc đẩy nhanh xuất khẩu cà phê mitaca (vụ giữa mùa), khi lượng hàng giao đến cảng và thị trường tiêu dùng bắt đầu gia tăng rõ rệt.[3]



XU HƯỚNG TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT CÀ PHÊ TOÀN CẦU

Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), tiêu thụ cà phê toàn cầu đã tăng đều đặn trong suốt thập kỷ qua, đạt khoảng 177 triệu bao (loại 60 kg) vào năm 2024, tương ứng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) vào khoảng 2,20%. Mức tăng trưởng này được thúc đẩy bởi nhu cầu ổn định ở các thị trường tiêu thụ truyền thống như Châu Âu và Bắc Mỹ, cũng như xu hướng tiêu thụ gia tăng tại các thị trường mới nổi như Châu Á và Châu Phi.[4]

Tuy nhiên, đà tăng mạnh của giá cà phê trong 8 tháng qua đang đặt ra những thách thức tiềm ẩn đối với tăng trưởng tiêu dùng, đặc biệt tại các quốc gia và khu vực có mức độ phát triển thị trường cà phê chưa trưởng thành. Sự tăng giá nhanh này đang dẫn đến dự báo rằng mức tiêu thụ có thể chững lại hoặc ổn định tại những thị trường mới nổi này trong năm tới.[4]

Kênh tiêu thụ cà phê trực tiếp qua quầy (across-the-counter) và lĩnh vực dịch vụ ăn uống – khách sạn (HORECA) đang phục hồi tích cực sau đại dịch, và hiện có vị thế vững

chắc hơn trong mô hình B2C so với các chuỗi siêu thị. Trong khi đó, sự e ngại của các chuỗi siêu thị trong việc điều chỉnh giá bán lẻ phù hợp với biến động mạnh trên thị trường kỳ hạn cà phê, đang tạo ra áp lực cho ngành cà phê. [4]

Đặc biệt, biến động giá mạnh nhất từ 1/11/2024 đến 11/2/2025, với mức tăng 72,75% trong vòng 4 tháng, đã làm gia tăng chi phí đầu vào. Trong bối cảnh người tiêu dùng toàn cầu ngày càng thắt chặt chi tiêu do bất ổn kinh tế và địa chính trị, việc chuyển chi phí sang giá bán lẻ trở nên khó khăn hơn, từ đó có thể khiến mức tăng tiêu thụ chững lại, nhất là tại các thị trường cà phê trưởng thành.[4]

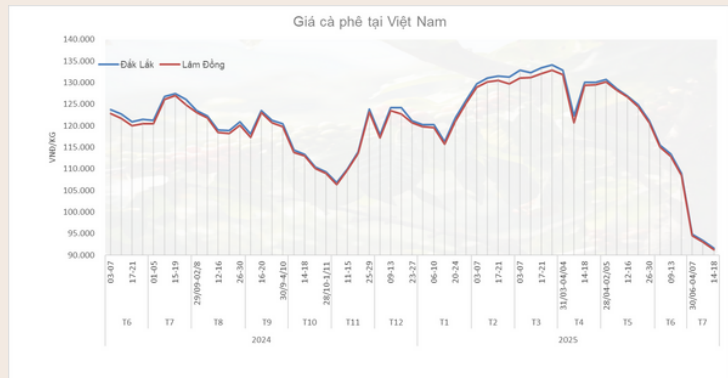
Tại các thị trường đang phát triển đồng thời cũng là quốc gia sản xuất cà phê như Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam, xu hướng tiêu dùng vẫn còn nhiều biến động. Tuy nhiên, với mức tiêu thụ nội địa tính theo đầu người còn thấp và khả năng tiếp cận nguồn nguyên liệu nội địa cao, những thị trường này vẫn có dư địa lớn để tăng trưởng tiêu dùng, đặc biệt khi đầu tư vào chuỗi sản xuất, chế biến và gia tăng giá trị tại chỗ tiếp tục được đẩy mạnh.[4]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê trong nước tiếp tục giảm do triển vọng nguồn cung toàn cầu được cải thiện nhờ thời tiết thuận lợi và kỳ vọng sản lượng tăng tại các nước sản xuất chính.
- Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 6 năm 2025 đạt gần 6.300 tấn, tăng 76% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Sơn La phấn đấu đến năm 2030 diện tích cà phê đạt 25.000 ha, tái canh 9.800 ha, phát triển 5.950 ha cà phê đặc sản, vùng đạt tiêu chuẩn bền vững 18.000 ha.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ GIẢM TRONG TUẦN

Trong tuần 14/07/2025 đến 18/07/2025, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 91.593 VNĐ/kg, giảm 2% so với tuần trước, và giảm 28,2% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 92.233 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 90.233 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 91.240 VNĐ/kg, giảm 2% so với tuần trước, và giảm 28,2% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 92.000 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 89.500 VNĐ/kg. [1]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

GIÁ CÀ PHÊ GIẢM GẦN MỘT NỬA TRONG 5 THÁNG GẦN ĐÂY

Trong vòng 5 tháng, từ tháng 3 đến giữa tháng 7 năm 2025, giá cà phê tại Việt Nam đã giảm gần 40%, từ mức đỉnh 135.500 VNĐ/kg xuống còn khoảng 89.500–90.300 VNĐ/kg. Nguyên nhân chủ yếu đến từ triển vọng nguồn cung toàn cầu được cải thiện nhờ thời tiết thuận lợi và kỳ vọng sản lượng tăng tại các nước sản xuất chủ lực, đặc biệt là Brazil và Việt Nam.[2]

Theo ông Nguyễn Nam Hải – Chủ tịch Hiệp hội Cà phê Việt Nam, bên cạnh yếu tố cung cầu, hoạt động đầu cơ tài chính trên sàn London cũng góp phần gây biến động mạnh giá cà phê. Thời tiết thuận lợi tại các vùng trồng cà phê lớn như Việt Nam, Brazil và Indonesia giúp cây cà phê sinh trưởng tốt, nâng cao kỳ vọng về một vụ mùa đạt sản lượng cao. Thông tin này đã làm gia tăng áp lực bán ra trên thị trường, kéo giá cà phê giảm sâu.[2]

Bên cạnh đó, diện tích trồng cà phê có xu hướng tăng cũng tác động đến giá cà phê. Giá cà phê tăng trong hai năm qua đã khuyến

khích người trồng mở rộng diện tích, điển hình là tại Buôn Ma Thuột – trung tâm cà phê của Việt Nam, diện tích tái canh năm 2025 lên tới 5.000 ha (so với trung bình 4.000 ha trước đây). Bên cạnh đó, Indonesia đặt mục tiêu vượt Việt Nam trở thành quốc gia sản xuất cà phê lớn thứ hai thế giới. Bang Espirito Santo (Brazil), vốn tập trung trồng Robusta, cũng được kỳ vọng sẽ vượt sản lượng của Việt Nam trong vài năm tới nhờ ứng dụng công nghệ tưới tiêu, giống cây cải tiến và mở rộng diện tích trên đất thoái hóa.[2]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM SANG HOA KỲ THÁNG 6 NĂM 2025.

Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 6 năm 2025 đạt gần 6.300 tấn, tăng 76% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 5 tháng 2025, Việt Nam xuất khẩu gần 60.600 tấn cà phê sang thị trường này tăng 11% so với cùng kỳ. [3]

Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng tốc kể từ tháng 4 - thời điểm Tổng thống Donald Trump công bố mức thuế đối ứng

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

ban đầu, sau đó tạm hoãn để các nước tiến hành đàm phán. [3]

Giá cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong 6 tháng đầu năm nay tăng mạnh gần 59%, giúp nâng kim ngạch tăng 76% lên hơn 333 triệu USD. Mỹ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 5 của Việt Nam, chiếm 6,2% tỷ trọng. Con số này tăng nhẹ so với mức 5,8% của cùng kỳ năm ngoái. [3]

Theo dữ liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn thứ ba của Hoa Kỳ với thị phần đạt 7% trong 5 tháng đầu năm nay. Tuy nhiên, con số này thấp hơn so với mức 10% của cùng kỳ năm ngoái. [3]

SƠN LA

Ngày 15/7/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường Sơn La tổ chức họp tư vấn định hướng phát triển cây cà phê giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 nhằm đánh giá hiện trạng, thảo luận các khó khăn, hướng tới xây dựng chiến lược phát triển bền vững cho ngành hàng cà phê trong thời gian tới.

Theo đó, Sơn La phấn đấu đến năm 2030 diện tích cà phê đạt 25.000 ha, sản lượng 40.000 tấn, tái canh 9.800 ha, phát triển 5.950

ha cà phê đặc sản, vùng đạt tiêu chuẩn bền vững 18.000 ha, 80 - 90% diện tích trồng mới sử dụng giống chuẩn.[4]

Tầm nhìn đến năm 2035, diện tích cà phê tăng lên 27.000 ha, sản lượng 47.000 tấn, tái canh 12.000 ha, cà phê đặc sản 6.500 ha, sản lượng chế biến sâu đạt 20 - 25%, xuất khẩu chiếm 80 - 85% tổng sản lượng cà phê toàn tỉnh, hình thành và phát triển 5 vùng cà phê ứng dụng công nghệ cao trở lên...

Sở Nông nghiệp và Môi trường Sơn La dự kiến tổ chức họp định kỳ 6 tháng một lần để đánh giá tình hình và bàn giải pháp tiếp theo để phát triển cây cà phê. Trước mắt, Sở sẽ phối hợp với Hội Cà phê tỉnh thống nhất định nghĩa về chế biến sâu, cà phê đặc sản để xây dựng chương trình, dự án và định hướng sản xuất. Đồng thời nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn và nhận diện đặc trưng, đặc sắc của sản phẩm cà phê Sơn La, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới.[4]



GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/giảm
LÂM ĐỒNG	89.500	92.000	91.200	91.700	91.800	91.240	-1.840
Di Linh	89.500	92.000	91.200	91.700	91.800	91.240	-1.840
Lâm Hà	89.500	92.000	91.200	91.700	91.800	91.240	-1.840
Bảo Lộc	89.500	92.000	91.200	91.700	91.800	91.240	-1.840
ĐẮK LẮK	90.233	92.233	91.533	92.033	91.933	91.593	-1.840
Cư M'gar	90.300	92.300	91.600	92.100	92.000	91.660	-1.840
Ea H'leo	90.200	92.200	91.500	92.000	91.900	91.560	-1.840
Buôn Hồ	90.200	92.200	91.500	92.000	91.900	91.560	-1.840
ĐẮK NÔNG	90.250	92.450	91.650	92.250	91.950	91.710	-1.780
Gia Nghĩa	90.300	92.500	91.700	92.300	92.000	91.760	-1.780
Đắk R'lấp	90.200	92.400	91.600	92.200	91.900	91.660	-1.780
GIA LAI	90.133	92.133	91.433	92.033	91.933	91.533	-1.800
Chư Prông	90.200	92.200	91.500	92.100	92.000	91.600	-1.800
Pleiku	90.100	92.100	91.400	92.000	91.900	91.500	-1.800
La Grai	90.100	92.100	91.400	92.000	91.900	91.500	-1.800
KON TUM	90.100	92.100	91.400	92.000	91.900	91.500	-1.800
Đắk Hà	90.100	92.100	91.400	92.000	91.900	91.500	-1.800

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://giacaphe.com>
- [3]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)
- [4]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên
- [2]: <https://vietnambiz.vn>
- [3]: <https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn>
- [4]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả